

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-7-2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Tín

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành

Bà Thái Thị Đang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 309/2019/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Thiệu Thị Xuân D**, sinh năm: 19xx

Địa chỉ: Thôn P, xã D, huyện D.K, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- Bị đơn: Ông **Phan Hòa H**, sinh năm: 19xx

Địa chỉ: Thôn B, xã D, huyện D.K, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thiệu Thị Xuân D trình bày:

Bà và ông Phan Hòa H tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 1998. Sau khi kết hôn vợ chồng bà về sinh sống tại nhà cha mẹ chồng. Đến năm 2006, vợ chồng chuyển ra ở riêng và từ đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm; ông H không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, không có trách nhiệm với gia đình; có lần bà khuyên can thì ông H không những không nghe mà còn đánh bà; cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Khoảng đầu năm 2018, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, bà bỏ về nhà cha mẹ ruột tại xã Diên Phước sinh sống; từ đó mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình. Bà có thông báo cho

ông H biết việc bà làm đơn khởi kiện ly hôn nhưng ông H nói không quan tâm, tùy bà D quyết định. Nay bà xác định không còn tình cảm gì với ông H, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Hòa H.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là Phan Đức T, sinh năm 19xx và Phan Hòa Th, sinh năm 20xx; các con đều đã đủ 18 tuổi, có khả năng nhận thức và sức khỏe bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Hòa H không đến Tòa án làm việc, không có lời khai.*

- *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật; bị đơn không có lời khai, không đến Tòa án làm việc.

Về nội dung: Sau khi xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của đương sự tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thiệu Thị Xuân D đối với ông Phan Hòa H. Các con chung đã đủ 18 tuổi, có sức khỏe bình thường nên không xét. Đương sự không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung vợ chồng nên không xét. Nguyên đơn khai vợ chồng không có nợ chung nên không xét. Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Phan Hòa H tham gia phiên tòa nhưng ông H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành việc xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

[2.1]. Ngày 22/6/1998, bà Thiệu Thị Xuân D và ông Phan Hòa H đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Diên Khánh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 18/1998; đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Bà Thiệu Thị Xuân D xác định cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và không thể hàn gắn; hiện tại, bà D không còn

tình cảm với ông H; không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân. Thực tế, vợ chồng bà D và ông H đã không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2018 đến nay; mỗi người tự lo cuộc sống riêng của mình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H đến Tòa án để làm việc liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tham gia phiên hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, nhưng ông H đều không đến, không có lời khai và tại phiên tòa ông H cũng vắng mặt không lý do. Điều này thể hiện việc ông H có thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến quan hệ vợ chồng, không muốn hàn gắn đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung: Theo Giấy khai sinh của Phan Đức T, Phan Hòa Th do đương sự cung cấp thể hiện Phan Đức T, sinh ngày: 14/6/19xx và Phan Hòa Th, sinh ngày: 07/02/20xx là con của bà Thiệu Thị Xuân D và ông Phan Hòa H. Đến nay, Phan Đức T và Phan Hòa Th đã đủ 18 tuổi và theo lời khai của đương sự thì hiện Phan Đức T, Phan Hòa Th có khả năng nhận thức và sức khỏe bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4]. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5]. Về nợ chung: Nguyên đơn bà D xác định vợ chồng không có nợ chung nên không giải quyết. Do bị đơn ông Phan Hòa H chưa có lời khai về vấn đề này nên nếu sau này đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn bà Thiệu Thị Xuân D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Thiệu Thị Xuân D được ly hôn ông Phan Hòa H.

2. Về con chung: Hai con chung là Phan Đức T và Phan Hòa Th đều đã đủ 18 tuổi, có khả năng nhận thức và sức khỏe bình thường; đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

3. Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về nợ chung: Bà Thiệu Thị Xuân D xác định vợ chồng không có nợ chung nên không giải quyết. Do bị đơn ông Phan Hòa H chưa có lời khai về vấn đề này nên nếu sau này đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

5. Về án phí: Bà Thiệu Thị Xuân D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Thiệu Thị Xuân D đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0007333 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên Khánh. Bà Thiệu Thị Xuân D đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bà Thiệu Thị Xuân D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Hòa H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Diên Khánh;
- UBND xã Diên Phước, huyện Diên Khánh
- (nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Nguyễn Trung Tín